

Q326E068695
(MTTN26009550.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample: **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 23 Nguyễn Kinh Chi, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 14h00 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu
Description: Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009550 ngày 19/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009550 dated 19/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity: 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt: 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration: 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s): Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mà rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlcs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlcs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (RoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/12

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4
7.2	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.3	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.5	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	1,3
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.8	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Hàm lượng clorua (Cl) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	3,0	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12	Hàm lượng florua (F) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225- 2:2021	KPH	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	7,74	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,02	-	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO ₃ tính theo N) Nitrate (NO ₃ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,1	-	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.)

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test reports.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.21	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,1	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S ²⁻) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023	KPH	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	85,7	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	52,0	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được tái sản xuất một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-dichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.)
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết tắt 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết tắt 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.39	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.40	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.40.1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.41	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.42	Hàm lượng alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.43	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6
7.44	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the samples submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo do môi trường được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (RoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết tắt 094). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết tắt 094). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dichloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dichloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.48 .1	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48 .2	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48 .3	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.48 .4	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57 .1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.58	Hàm lượng chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop (2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted (sample) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.)

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 10/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	700
7.75	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75.1	Hàm lượng (m+p) xylene m + p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.75.2	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPII	5	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của mọi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vi-las 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vi-las 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 11/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	5,6	-	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetone Dibromoacetone content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetone Dichloroacetone content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetone Trichloroacetone content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	3,2	-	60
7.85	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	2,9	-	300

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được tích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.55)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 12/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	2,9	-	100
7.88	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	<1 ^(c)	-	< 1
7.89	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	<1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPII: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiên này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 094). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 094). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk, 339 Tôn Đức Thắng, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 14h30 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu**
Description : **Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.**
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản SỔ MTTN26009550 ngày 19/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26009550 dated 19/06/2026
- Số lượng mẫu**
Quantity : **01**
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : **19/06/2026**
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : **19/06/2026 - 30/06/2026**
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : **Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)**

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Nguyễn Hoàng Linh


Phạm Thành Trung

Q326E068695
(MITN26009550.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

16/06/2026
Trang/ Page: 2/12

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,01	2,4
7.2	Hàm lượng xyanua tổng (CN) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.3	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,003	0,02
7.5	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	1,3
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.8	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,003	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phải bỏ chuẩn trong ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses du.c@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 094). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 094). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Hàm lượng clorua (Cl) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	2,9	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12	Hàm lượng florua (F) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225- 2:2021	KPH	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	8,77	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,02	-	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,0	-	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viện 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326E068695
(MTTN26009550.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.21	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite (NO_2^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,1	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	88,5	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3) Total hardness as CaCO_3	mg/L	SMEWW 2340C:2023	52,0	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.)

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn tuân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vấn 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vissu 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 5/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-dichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (ViLAS 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (ViLAS 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.39	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.40	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.40.1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.41	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.42	Hàm lượngalachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.43	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6
7.44	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ bộ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

06/06/2026

Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dichloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dichloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.48.1	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.2	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.48.4	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (ViLAS 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) <i>Hydroxyatrazine content</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon <i>Isoproturon content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin <i>Pendimethalin content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil <i>Propanil content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine <i>Simazine content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb <i>Aldicarb content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran <i>Carbofuran content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất <i>DDTs content</i>	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57 .1	Hàm lượng 4,4'-DDD <i>4,4'-DDD content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .2	Hàm lượng 4,4'-DDE <i>4,4'-DDE content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .3	Hàm lượng 4,4'-DDT <i>4,4'-DDT content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.)
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E068695
(MTIN26009550.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test Result</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Mức chất lượng <i>Quality Level</i>
7.58	Hàm lượng chlordane <i>Chlordane content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor <i>Methoxychlor content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin <i>Trifluralin content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos <i>Chlorpyrifos content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin <i>Permethrin</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D <i>2,4-D content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB <i>2,4-DB content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA <i>MCPA content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) <i>Dichlorprop ((2,4-DP) content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop <i>Fenoprop content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCP) <i>Mecoprop content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiên này chỉ có giá trị đối với mẫu đo khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Để không làm hao do hư hỏng được tính tỉ lệ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần nhiều kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qvalext 3

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.es@quntest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dk.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phạm Thị Cẩm Bình đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (DoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC: 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận

The Testamur Lab is accredited as conform

Q326E068695
(MTTN26009550.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 10/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.75	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75.1	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.75.2	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2; phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Viện) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 11/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	5,8	-	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetone Dibromoacetone content	µg/L	US EPA 551.1	< 0,6 (LOQ)	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetone Dichloroacetone content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetone Trichloroacetone content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6- trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	2,1	-	60
7.85	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	300

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn trong với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.56)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 12/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane <i>Dibromochloromethane content</i>	µg/L	US EPA 8260D	2,9	-	100
7.88	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1
7.89	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- IPT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPII: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiên này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Trạm y tế phường Tân Lập, 89 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 09h00 – 16/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009550 ngày 16/06/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009550 dated 16/06/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 16/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 16/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB


Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR




Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the manually submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ chcs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses chcs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Ủy ban Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viện 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E068695
(MTTN26009550.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Hàm lượng clorua (Cl) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	3,0	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12	Hàm lượng florua (F) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225- 2:2021	KPH	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	5,17	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,8	-	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the samples submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được tích tạo một phiên bản kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ds@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02.VIL (JIL: 07/07/2025)

Q326E068695
(MTTN26009550.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.21	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite (NO_2^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,1	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	58,7	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3) Total hardness as CaCO_3	mg/L	SMEWW 2340C:2023	34,8	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.)

3. Độ không đảm bảo do đo được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTIN26009550.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 5/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô tổng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.39	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.40	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.40 .1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40 .2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40 .3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.41	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.42	Hàm lượngalachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.43	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6
7.44	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được tích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viha 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02.VIL (HIL: 07/07/2025)

Q326E068695
(MTTN26009550.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dicloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.48.1	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.2	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.3	Atrazine-desethyl-deisopropyl Atrazine-desethyl-deisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.48.4	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn trong ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPII	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57.2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57.3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPII	0,05	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ds@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.58	Hàm lượng chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop (2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request)

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bộ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 10/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	700
7.75	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75 .1	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.75 .2	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	< 10,0 (LOQ)	5	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MITN26009550.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 11/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	12,2	-	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	< 0,6 (LOQ)	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	< 0,6 (LOQ)	0,2	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetonitrile Trichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6- trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	3,9	-	60
7.85	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	7,4	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Việt Nam Công nhận Chất lượng (Bộ A) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Vietnam of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02-VIL (JIL: 07/07/2025)

Q326F068695
(MTTN26009550.26)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 12/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	2,6	-	100
7.88	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(*)	-	< 1
7.89	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(*)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 16/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 16/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- (*): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mà rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.es@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email dl.es@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)

Q326E068695
(MITN26009550.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Bể chứa Phan Chu Trinh, 371 Phan Chu Trinh,
Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 10h30 – 17/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTIN26009550 ngày 17/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMITN26009550 dated 17/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 17/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 17/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the samples submitted only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được tích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
The Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Viện phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/12

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4
7.2	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.3	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPII	0,1	0,5
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.5	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	1,3
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.8	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của chủ gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (RoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết tắt). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết tắt). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTIN26009550.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	2,5	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,01	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225- 2:2021	KPH	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	9,64	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,02	-	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,8	-	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô tả được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích tạo mới phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (VILAS) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết tắt). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.21	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite (NO_2^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,02 (LOQ)	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,1	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023	KPH	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	90,0	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3) Total hardness as CaCO_3	mg/L	SMEWW 2340C:2023	52,5	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (VINA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (VINA 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MITN26009550.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 5/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-dichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đo khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo từ việc được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.39	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.40	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.40.1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40.3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.41	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.42	Hàm lượngalachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.43	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6
7.44	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô tả được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn trong vòng 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiên bản thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlc@quatest3.com.vn để liệt thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlc@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BộA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dichloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dichloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.48.1	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPII	0,7	-
7.48.2	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPII	0,7	-
7.48.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPII	7	-
7.48.4	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the homely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô tả được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited to conforming in ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57 .1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Hoà) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết tắt), Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MITN26009550.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.58	Hàm lượng chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop (2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do đo lường được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích tạo một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (VNA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Vietnam Accreditation - Viet Nam (VNA). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MITN26009550.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 10/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.75	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75 .1	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.75 .2	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô tả trong phiếu kết quả thử nghiệm này dựa trên độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản ánh chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viễn 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viễn 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 11/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	10,0	-	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	< 0,6 (LOQ)	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetonitrile Trichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPII	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	2,8	-	60
7.85	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlc.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlc.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.34)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 12/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane <i>Dibromochloromethane content</i>	µg/L	US EPA 8260D	3,0	-	100
7.88	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1
7.89	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 17/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 17/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email address info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 05 Hoàng Diệu, Phường Buôn Ma Thuột,
Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 09h30 – 19/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and
sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl
Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số
MTTN26009550 ngày 19/06/2026 / Sampling and on-site testing
according to record NoMTTN26009550 dated 19/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 19/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 19/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bộ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326L068695
(MTTN26009550.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/12

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4
7.2	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.3	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.5	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	1,3
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.8	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đã khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	2,8	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225- 2:2021	KPH	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	14,9	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,02	-	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ ính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,0	-	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.21	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite (NO_2^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,1	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPH	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	103	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3) Total hardness as CaCO_3	mg/L	SMEWW 2340C:2023	53,0	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.)

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được trình bày để không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phủ bộ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 5/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết: 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.39	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.40	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.40 .1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40 .2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40 .3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.41	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.42	Hàm lượngalachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.43	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6
7.44	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dichloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dichloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.48.1	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.2	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.48.4	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (ĐoA) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57 .1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPII	0,05	-
7.57 .2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được tích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nên không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.58	Hàm lượng chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPII	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPII	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop (2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPII	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của đơn gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do đo lường được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ nội dung của báo cáo thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (VNA 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 10/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPII	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.75 1	Hàm lượng xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75 2	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email dh.cu@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cu@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 11/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	9,6	-	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetone Dibromoacetone content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetone Dichloroacetone content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetone Trichloroacetone content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	60
7.85	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email ds.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email address ds.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BQA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vina 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.35)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 12/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	2,3	-	100
7.88	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1
7.89	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 19/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 19/06/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPH: Không phát hiện / Not detected

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method

- ^(c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Ủy ban Công nhận Chất lượng (BQA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 210 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 11h00 – 17/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009550 ngày 17/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009550 dated 17/06/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 17/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 17/06/2026 - 30/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Nguyễn Hoàng Linh

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản ánh chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.es@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.es@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (HoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/12

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4
7.2	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.3	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.5	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	1,3
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.8	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.)

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sau một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viện 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	6,3	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225- 2:2021	KPH	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	5,05	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (I.OQ)	0,01	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,4	-	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng nên liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (VINA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (VINA 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MT1N26009550.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.21	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite (NO_2^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,1	-	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} D:2023	KPII	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	47,0	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3) Total hardness as CaCO_3	mg/L	SMEWW 2340C:2023	22,2	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bội chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 in the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 5/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written in customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlcs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dlcs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (DoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viñas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

7. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (DoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viñas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

8. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (DoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viñas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.39	Hàm lượng monochlorobenzene <i>Monochlorobenzen content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.40	Hàm lượng tổng trichlorobenzene <i>Total Trichlorobenzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.40 .1	1,2,3-trichlorobenzene <i>1,2,3 Trichlorobenzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40 .2	1,2,4-trichlorobenzene <i>1,2,4 Trichlorobenzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40 .3	1,3,5-trichlorobenzene <i>1,3,5 Trichlorobenzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.41	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) <i>Bromate content</i>	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.42	Hàm lượngalachlor <i>Alachlor content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.43	Hàm lượng molinate <i>Molinate content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6
7.44	Hàm lượng hexachlorobutadiene <i>Hexachlorobutadiene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bộ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ bộ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristic marked with () are not accredited yet.*

BM105.02.VII. (HL: 07/07/2025)

Q326L068695
(MT1N26009550.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo-3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dichloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dichloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.48.1	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.2	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.48.4	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.)

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326L068695
(MTTN26009550.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57 .1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k=2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k=2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Q1/TEST 3 at the email addresses info@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (ĐoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristic marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.58	Hàm lượng chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPII	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop (2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPII	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản ánh chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email address dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
 (MTTN26009550.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 10/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.75	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75 .1	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.75 .2	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	< 10,0 (LOQ)	5	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the newly submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses: info@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026
Trang/ Page: 11/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic <i>Trichloroacetic acid content</i>	µg/L	US EPA 552.3	56,3	-	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetonitrile <i>Dibromoacetonitrile content</i>	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetonitrile <i>Dichloroacetonitrile content</i>	µg/L	US EPA 551.1	0,9	-	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetoneitrile <i>Trichloroacetoneitrile content</i>	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol <i>2,4,6-Trichlorophenol content</i>	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol <i>Pentachlorophenol content</i>	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane <i>Bromodichloromethane content</i>	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	60
7.85	Hàm lượng bromoform <i>Bromoform content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform <i>Chloroform content</i>	µg/L	US EPA 8260D	4,0	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.)

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E068695
(MTTN26009550.36)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 12/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane <i>Dibromochloromethane content</i>	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.88	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(e)	-	< 1
7.89	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(e)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 17/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 17/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(e): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính là độ không đảm bảo đo nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viñas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
Vị trí lấy mẫu: Nhà dân, 172 Phạm Ngũ Lão, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 11h30 – 17/06/2026
- Mô tả mẫu**
Description : **Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.**
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26009550 ngày 17/06/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26009550 dated 17/06/2026
- Số lượng mẫu**
Quantity : **01**
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : **17/06/2026**
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : **17/06/2026 - 30/06/2026**
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : **Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)**

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đều và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được tích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email address: dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

BM105.02.VIL (JIL: 07/07/2025)

Q326E068695
(MTTN26009550.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 2/12

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4
7.2	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.3	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.4	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.5	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	1,3
7.6	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.8	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được tích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BQL) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F068695
(MTTN26009550.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.9	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	7,2	-	250 hoặc 300
7.10	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.12	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.13	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.14	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	2
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,1
7.16	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225- 2:2021	KPH	20	3.000
7.17	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	5,08	-	200
7.18	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	0,2
7.19	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.20	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻) tính theo N Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,4	-	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the timely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.)

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết B04). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited on conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết B04). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.21	Hàm lượng nitrit (NO ₂ tính theo N) Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.22	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.23	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,4	-	250
7.24	Hàm lượng sunfua (S ²⁻) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023	KPH	0,02	0,05
7.25	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,3
7.26	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.27	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.28	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	46,2	-	1.000
7.30	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	24,7	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email address info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (ĐoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MT1N26009550.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 5/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane <i>1,1,1-trichloroethane content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane <i>1,2-dichloroethane content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30
7.33	Hàm lượng carbon tetrachloride <i>Carbontetra chloride content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.34	Hàm lượng dichloromethane <i>Dichloromethane content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.35	Hàm lượng 1,2-dichloroethene <i>1,2-dichloroethene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.36	Hàm lượng tetrachloroethene <i>Tetrachloroethene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.37	Hàm lượng trichloroethene <i>Trichloroethene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	8
7.38	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene <i>1,2-dichlorobenzen content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E068695
(MTTN26009550.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.39	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.40	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.40 .1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40 .2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.40 .3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.41	Hàm lượng bromat (BrO ₃) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10
7.42	Hàm lượngalachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.43	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6
7.44	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550,37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.45	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,07	1
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dichloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	40
7.47	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dichloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.48	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.48 .1	Atrazine Atrazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48 .2	Atrazine-desethyl Atrazine-desethyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.48 .3	Atrazine-desethyl-desisopropyl Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.48 .4	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.49	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BQL) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết tắt 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.50	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.51	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.52	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.53	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.54	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.55	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.57 .1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.57 .3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do đo lường được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viet 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.58	Hàm lượng chlordane Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPII	0,05	0,2
7.59	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.60	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPII	0,05	20
7.61	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.62	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.63	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.64	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.65	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.66	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop (2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.67	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPII	0,7	9
7.68	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Hệ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated at the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 10/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.69	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPII	0,02	0,1
7.70	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.71	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.72	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	300
7.73	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	20
7.74	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.75	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.75 .1	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.75 .2	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPII	0,3	-
7.76	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	< 10,0 (LOQ)	5	50
7.77	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của đơn gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MITN26009550.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 11/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.78	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	58,2	-	200
7.79	Hàm lượng dibromoacetone Dibromoacetone content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70
7.80	Hàm lượng dichloroacetone Dichloroacetone content	µg/L	US EPA 551.1	1,1	-	20
7.81	Hàm lượng trichloroacetone Trichloroacetone content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1
7.82	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.83	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.84	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	4,3	-	60
7.85	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100
7.86	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	9,1	-	300

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (RoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết tắt 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E068695
(MTTN26009550.37)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/06/2026

Trang/ Page: 12/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.87	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.88	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(e)	-	< 1
7.89	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(e)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 17/06/2026. / Characteristics analyzed on site on 17/06/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(e): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (ViLAS 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.